

b) Nếu số lượng người tiếp nhận trở về ít, không thành đợt và không có vấn đề phức tạp thì không cần đàm phán, ký kết Hiệp định hoặc Thỏa thuận riêng biệt mà chỉ cần 2 bên hợp tác giải quyết: Phía nước ngoài gửi yêu cầu và các thông tin nhân sự cần thiết, ta xác minh trả lời (đồng ý hay từ chối tiếp nhận), hai bên làm các thủ tục giao nhận. Thủ tục tiếp nhận cụ thể như sau:

- Phía nước ngoài trao cho ta (qua đường ngoại giao) ảnh và các thông tin cần thiết về nhân thân của người trở về, quan hệ gia đình của họ ở Việt Nam, thời gian và lý do bị buộc phải về nước...

- Bộ Nội vụ có trách nhiệm xác minh nhân sự và thông báo kết quả cho Bộ Ngoại giao trong thời hạn sớm nhất để trả lời phía nước ngoài về quyết định của ta (đồng ý hoặc từ chối tiếp nhận).

2. Cơ quan Đại diện ngoại giao, Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài cấp giấy tờ cần thiết cho những người được tiếp nhận trở lại và phối hợp với các cơ quan trong nước và nước ngoài tổ chức việc giao nhận người trở về.

c) Về vấn đề tài trợ cho việc tiếp nhận:

Bộ Ngoại giao cùng các ngành liên quan đề xuất việc yêu cầu phía nước ngoài tài trợ bằng các hình thức thích hợp để hỗ trợ tài chính cho việc tiếp nhận và tái hòa nhập những người Việt Nam trở về, nhất là đối với các trường hợp có số lượng người trở về nhiều như từ các nước Đức, Hà Lan.

II. VIỆC PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM GIỮA CÁC CƠ QUAN HỮU QUAN TRONG NƯỚC

1. Bộ Ngoại giao chủ trì phối hợp với Bộ Nội vụ và các Bộ hữu quan đàm phán, ký kết Hiệp định hoặc Thỏa thuận với nước ngoài và xử lý các vấn đề về đối ngoại khác liên quan đến việc tiếp nhận trở lại công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú.

2. Bộ Nội vụ chủ trì việc tổ chức tiếp nhận người trở về chỉ đạo việc xác minh về nhân sự, đảm bảo tiếp nhận đúng đối tượng và chỉ đạo các mặt hoạt động liên quan đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo những vấn đề liên quan đến tái hòa nhập của những người trở về: tổ chức, hướng dẫn các địa phương liên quan tiếp nhận và đưa người trở về về địa phương và gia đình họ; lập dự án sử dụng tài trợ nước ngoài trình Chính phủ quyết định trong trường hợp có tài trợ của nước ngoài cho công tác tiếp nhận và tái hòa nhập người trở về; tham gia đàm phán, ký kết thỏa thuận về tài trợ theo dự án được duyệt.

4. Bộ Tài chính quản lý các nguồn tài trợ nước ngoài theo Nghị định số 58-CP của Chính phủ, cấp kinh phí cho công tác tổ chức tiếp nhận

người trở về trong trường hợp không có tài trợ của nước ngoài.

5. Bộ Y tế bố trí người và phương tiện y tế để phục vụ cho việc tiếp nhận người trở về: kiểm tra sức khỏe khi cần thiết, quản lý hồ sơ sức khỏe người trở về, phòng chống bệnh truyền nhiễm lây lan từ bên ngoài xâm nhập vào nước ta.

6. Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan trực thuộc địa phương bảo đảm việc tái hòa nhập người trở về, hỗ trợ ngành Công an trong việc xác minh nhân sự và giữ gìn an ninh trật tự.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng các ngành và địa phương có liên quan tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này và phản ánh kịp thời những vấn đề mới phát sinh để có chủ trương, biện pháp xử lý thích hợp.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 749-TTg ngày 15-11-1995 về việc thành lập Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 322-HĐBT ngày 18-10-1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Quy chế Khu chế xuất và Nghị định số 192-CP ngày 25-12-1994 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu công nghiệp;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Thành lập Ban Quản lý khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ để quản lý khu chế xuất Cần Thơ và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cần Thơ.

Ban Quản lý khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quản lý khu chế xuất theo quy định tại Điều 57 Quy chế Khu chế xuất ban hành kèm theo Nghị định số

322-HĐBT ngày 18-10-1991 và quản lý các khu công nghiệp theo quy định tại Điều 20 Quy chế Khu công nghiệp ban hành kèm theo Nghị định số 192-CP ngày 25-12-1994 của Chính phủ.

Ban có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu, biên chế và kinh phí thuộc ngân sách Nhà nước cấp.

Điều 2.- Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ gồm Trưởng Ban, các Phó Trưởng Ban và bộ máy giúp việc.

Trưởng Ban do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

Các Phó Trưởng Ban do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Trưởng Ban sau khi có sự thỏa thuận của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

Bộ máy giúp việc và biên chế của Ban do Trưởng Ban quyết định sau khi có sự chấp thuận của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

Điều 3.- Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 751-TTg ngày 15-11-1995 về việc thành lập Ban Quản lý khu công nghiệp Sông Bé.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 192-CP ngày 28-12-1994 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu công nghiệp;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Thành lập Ban Quản lý khu công nghiệp Sông Bé để quản lý các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Sông Bé.

Ban Quản lý khu công nghiệp Sông Bé thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 20 Quy chế Khu công nghiệp ban hành kèm theo Nghị định số 192-CP ngày 28-12-1994 của Chính phủ.

Ban có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu riêng, biên chế và kinh phí thuộc ngân sách Nhà nước cấp.

Điều 2.- Ban Quản lý gồm Trưởng Ban, một số Phó Trưởng Ban và bộ máy giúp việc. Việc bổ nhiệm Trưởng Ban, một số Phó Trưởng Ban, và quyết định bộ máy giúp việc và biên chế của Ban thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Quy chế Khu công nghiệp.

Điều 3.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 754-TTg ngày 16-11-1995 về chuyển giao Bộ đội biên phòng sang Bộ Quốc phòng quản lý.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Điều 4 Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Để thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về chuyển Bộ đội biên phòng từ Bộ Nội vụ sang Bộ Quốc phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Trước mắt chuyển giao nguyên trạng Bộ đội biên phòng từ Bộ Nội vụ sang Bộ Quốc phòng.